

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **409/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 22-12-2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Loan;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Nhã T – sinh năm 1998;

Địa chỉ: Khu phố *, thị trấn V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu L – sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có đơn xin vắng mặt;

Anh L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lê Nhã T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh L cưới nhau năm 2017, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Sau

khi cưới vợ chồng chị sống chung với cha mẹ của anh L cho đến khi chị sinh cháu C thì chị về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Chị và anh L chung sống hạnh phúc đến khi chị mang thai cháu C thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L không lo làm để chăm lo cho gia đình, mà anh L thường xuyên nhậu nhẹt, đá gà, cờ bạc. Năm 2019, khi chị mang thai đứa con thứ hai thì chị và anh L đã ly thân cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm giữa chị và anh L không khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung tên Nguyễn Hữu C – sinh ngày 08/6/2018 và Nguyễn Hữu K – sinh ngày 17/12/2019. Chị là người nuôi dưỡng 02 con chung từ khi sinh cho đến nay, anh L không cấp dưỡng phụ chị nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Nguyễn Hữu L vắng mặt không tham gia phiên tòa.*

*** Tại phiên tòa**

Nguyên đơn chị T và bị đơn anh L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị T đối với anh L. Về tài sản chung và nợ chung, chị T trình bày giữa chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Lê Nhã T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu L và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị khi ly hôn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh L không đến tham dự phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh L.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L, Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh L tự nguyện cưới nhau vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình. Đến năm 2019, khi chị T mang thai đứa con thứ 02 thì chị T và anh L đã ly thân cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh L đã có thời gian ly thân nhưng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm, đồng thời quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh L nhưng anh L không tham dự phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, chứng tỏ anh L không có ý muốn hàn gắn tình cảm với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh L có 02 con chung tên Nguyễn Hữu C – sinh ngày 08/6/2018 và Nguyễn Hữu K – sinh ngày 17/12/2019. Hiện nay chị T đang nuôi dưỡng 02 con chung, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy chị T đã chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C và cháu K từ lúc sinh cho đến nay, anh L không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị T, đồng thời cháu C và cháu K còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao cháu C và cháu K cho chị T nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con của chị T.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày trong quá trình chung sống chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy những phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Nhã T đối với anh Nguyễn Hữu L.

Chị Lê Nhã T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu L.

2/ Chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị T đối với anh L. Giao 02 con chung tên Nguyễn Hữu C – sinh ngày 08/6/2018 và Nguyễn Hữu K – sinh ngày 17/12/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Án phí: Chị Lê Nhã T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0016735 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, nên chị T đã thi hành xong.

4/ Chị T, anh L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho chị T, anh L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- UBND xã T, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh